

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **485/2024/QĐST-HNGĐ**

T, ngày 20 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2024/HNST ngày 05 tháng 4 năm 2024. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1966

- Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1974

HKTT: Khóm 1, phường An Bình B, Tp. Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ: 37/12 Đoàn Hồng Phước, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 6 năm 2024, ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị H** thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị H** cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị H** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1007, quyển số 06/2002, ngày 04/12/2002 do Ủy ban nhân dân phường A, Tp., tỉnh Đồng Tháp cấp) chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai con chung là **Trần Văn Chí L** sinh ngày 01/1/1993 và **Trần Văn Chí T** sinh ngày 15/5/1996 đã trưởng thành, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông **B**, bà **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ dân sự khác: Ông **B**, bà **H** cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông **Trần Văn B** và bà **Phan Thị H** nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông **B** và bà **H** đã nộp theo biên lai số 0007890 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi ĐKKH (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Vân).

THẨM PHÁN

Trần Hương Giang